

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2021, thông báo mở lại phiên tòa số 176/TB-TA ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ngọc Đ, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 13, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt ngày 04/6/2021

- Bị đơn: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 03, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hà Thị Ngọc Đ trình bày: Về hôn nhân giữa chị Đ với anh Bùi Quốc T do quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, chị Đ với anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2003, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng

nhận kết hôn số: 172/HT, ngày 29/5/2006. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Chị Đ với anh T đã không còn sống chung từ năm 2009 đến nay. Tình cảm của chị Đ đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Đ và anh T có với nhau 01 đứa con tên Bùi Phúc Y sinh ngày 21/3/2004, hiện cháu Y đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý để cháu Y sống với anh T chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ với anh T không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quốc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do;

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của bà Trần Thị Kim L là Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ khóm Long Châu, phường Long Châu cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị Đ với anh T thể hiện: Chị Đ với anh T cưới nhau vào năm 2003, hai người đi đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu. Về tình cảm hai người đã xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2009 đến nay, nguyên nhân thường cãi vã, bất đồng quan điểm sống.

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của ông Bùi Văn H là cha ruột anh T cung cấp thông tin: Sau khi cưới nhau thì chị Đ với anh T sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng Đ, T không còn sống chung 13 năm nay, gia đình có bàn bạc cho Đ với T đoàn tụ lại nhưng không được. Đ và T có một con chung hiện đang sống với T.

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 Công an phường Long Châu cung cấp: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1986 có hộ khẩu thường trú tại tổ 03, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, anh T có về địa phương.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ, khóm Long Châu, phường Long Châu, biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của ông Bùi Văn H, biên bản xác minh của Công an phường Long Châu ngày 25/5/2021, biên bản không lấy được lời khai của anh T.

Tại phiên tòa, chị Đ và anh T vắng mặt,

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Hà Thị Ngọc Đ và anh Bùi Quốc T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2009 giữa chị Đ với anh T có phát sinh mâu thuẫn. Chị Đ với anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Đ với anh T có 01 con chung tên Bùi Phúc Y, sinh ngày 24/3/2004, hiện con đang sống với anh T, đề nghị giao con cho anh T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Hà Thị Ngọc Đ khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Bùi Quốc T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 03, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 Công an phường Long Châu cung cấp: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1986 có hộ khẩu thường trú tại tổ 03, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, anh T có về địa phương.

Sự vắng mặt của đương sự: Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh Bùi Quốc T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ngọc Đ với anh Bùi Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/HT, ngày 29/5/2006. Xét, hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

Chị Đ khai, quá trình chung sống chị Đ và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Chị Đ với anh T đã không còn sống chung từ năm 2009 đến nay. Tình cảm của chị Đ đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của bà Trần Thị Kim L là Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ khóm Long Châu, phường Long Châu cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị Đ với anh T thể hiện: Chị Đ với anh T cưới nhau vào năm 2003, hai người đi đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu. Về tình cảm hai người đã xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2009 đến nay, nguyên nhân thường cãi vã, bất đồng quan điểm sống.

Biên bản xác minh ngày 25/5/2021 của ông Bùi Văn H là cha ruột anh T cung cấp thông tin: Sau khi cưới nhau thì chị Đ với anh T sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng Đ, T không còn sống chung 13 năm nay, gia đình có bàn bạc cho Đ với T đoàn tụ lại nhưng không được. Đ và T có một con chung hiện đang sống với T.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị Đ với anh T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị Đ với anh T đã sống xa cách nhau từ năm 2009 đến nay.

Căn cứ Điều 51 khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị Đ ly hôn đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị Đ với anh T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Bùi Phúc Y sinh ngày 21/3/2004, hiện cháu Y đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý để cháu Y sống với anh T chị Đ không cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu Y muốn được sống với anh T.

Xét, giao Bùi Phúc Y, sinh ngày 21/3/2004, cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ khai giữa chị với anh T không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị Đ có tài sản, nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Đ được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU/2019/0006630 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Bùi Quốc T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc Đ.

Về hôn nhân: Chị Hà Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Bùi Quốc T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 172/HT, ngày 29/5/2006 do UBND thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Hà Thị Ngọc Đ với anh Bùi Quốc T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Bùi Phúc Y sinh ngày 21/3/2004 cho anh Bùi Quốc T nuôi dưỡng. Chị Hà Thị Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Quốc T cùng gia đình (nếu có) không được cản trở chị Hà Thị Ngọc Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Bùi Quốc T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị Đ có tài sản, nợ chung thì anh Thái vẫn có quyền khởi kiện chị Đ ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Đ được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU/2019/0006630 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Bùi Quốc T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường Long Thạnh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh